TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2024/DS-ST
Ngày: 29-8-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ**
Ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Thùy Trang** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-DS ngày 14.8.2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP B); địa chỉ: Số B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP L1.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thanh L, ông Lê Quang T1 – Cán bộ Ngân hàng TMCP L1 (Theo quyết định số 9721A/2023/QĐ-LPBank.GSKD&XLN ngày 11.7.2023 và giấy ủy quyền số 319/2024/UQ-LPBank.ĐNA ngày 13.5.2024); địa chỉ: Số A, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Bà L vắng mặt, ông T1 có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Hữu P – sinh năm 1991; địa chỉ tại: Số E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP B)– đại diện theo ủy quyền là ông Lê Quang T1 trình bày**:

Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh Đ ký với bà Dương Thị Hữu P theo Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220164 ngày 13/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số PL.01-HDTD41020220164 ngày 23/6/2022, chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 500.000.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: thanh toán tiền mua Xe ô tô có Biển kiểm soát: 43A-286.21.
- Thời hạn vay: 05 năm được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày Bên vay bắt đầu nhận tiền vay),
- Lãi suất vay: 08%/năm cố định 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Phương thức điều chỉnh lãi suất: từ tháng 07 áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh định là 03 tháng 01 lần vào ngày 20 và ngày thay đổi đầu tiên là ngày 20/12/2022.
- Nếu bên vay chậm trả gốc và/hoặc lãi, thì phải trả tiền vay cho Ngân hàng như sau:

+ Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

+ Kỳ hạn trả nợ gốc và kỳ hạn trả nợ lãi vào ngày 25 hằng tháng. Ngày trả đầu tiên là ngày 25/07/2022.

+ Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng và được quy định cụ thể trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ/hoặc KƯNN.

Ngày 24/06/2022, Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho bà Dương Thị Hữu P theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 41020220164/001 ngày 20/6/2022 và Phụ lục Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: PL.01-41020220164/001 ngày 24/6/2022 số tiền là 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn) theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Dương Thị Hữu P đã trả được số tiền gốc là 112.391.692 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 45.576.816 đồng; số tiền lãi chậm trả gốc là 555.035 đồng và số tiền lãi chậm trả lãi là 150.134 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà Dương Thị Hữu P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ phát sinh và khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/5/2023. Ngân hàng TMCP B đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để bà Dương Thị Hữu P trả nợ nhưng bà Dương Thị Hữu P vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và theo các quy định của pháp luật.

Tạm tính đến ngày 29/8/2024, bà Dương Thị Hữu P vẫn còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền là 477.742.120 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 387.608.308 đồng;
+ Nợ lãi trong hạn: 71.024.384 đồng;
+ Lãi chậm trả gốc: 14.316.443 đồng;
+ Lãi chậm trả lãi: 4.792.985 đồng;

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là "Xe ô tô nhãn hiệu: MERCERDES, số loại: GLA200, số khung: WDC1569431J108024, số máy: 27091030608338, màu sơn: màu đỏ, biển kiểm soát: 43A-286.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43023338 do Phòng C Công an Thành phố Đ cấp ngày 13/6/2022, đứng tên bà Dương Thị Hữu P. Tài sản này được bà Dương Thị Hữu P thế chấp tại Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 7407, Quyển số: 01/2022 TP/CC - SCC/HĐGD do văn phòng C1, địa chỉ: đường B, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng công chúng ngày 23/6/2022 để xử lý thu hồi nợ vay cho L2 (Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDTC41020220164) và tài sản đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật."

Trên cở sở những nội dung đã trình bày trên, Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1) kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án và xem xét giải quyết tranh chấp như sau:

Ngân hàng TMCP L1 yêu cầu buộc bà Dương Thị Hữu P phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2024 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220164 ngày 13/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số PL.01-HDTD41020220164 ngày 23/6/2022 là 477.742.120 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi đồng). Bà Dương Thị Hữu P phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà Dương Thị Hữu P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu: MERCERDES, số loại: GLA200, số khung: WDC1569431J108024, số máy: 27091030608338, màu sơn: màu đỏ, biển kiểm soát: 43A-286.21 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43023338 do Phòng C Công an Thành phố Đ cấp ngày 13/6/2022, đứng tên bà Dương Thị Hữu P) theo hợp đồng thế chấp Công chứng 7407, Quyển số 01/2022 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 23/6/2022.

*** Bị đơn – bà Dương Thị Hữu P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị Hữu P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2024 là 477.742.120 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 387.608.308 đồng; nợ lãi trong hạn: 71.024.384 đồng; lãi chậm trả gốc: 14.316.443 đồng; lãi chậm trả lãi: 4.792.985 đồng. Đồng thời bà Dương Thị Hữu P phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi kể từ ngày 30/8/2024 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp bà Dương Thị Hữu P không trả nợ như đã thỏa thuận nêu trên thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP L1 là xe ô tô nhãn hiệu MERCERDES, biển kiểm soát: 43A-286.21, số loại: GLA200, số máy: 27091030608338, số khung: WDC1569431J108024 đứng tên bà Dương Thị Hữu P được xử lý để đảm bảo thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP B) với bị đơn Dương Thị Hữu P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn Dương Thị Hữu P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Dương Thị Hữu P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Dương Thị Hữu P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Dương Thị Hữu P không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1. Căn cứ các tài liệu, chứng

cứ do Ngân hàng TMCP L1 cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220164 ngày 13/6/2022; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số PL.01-HDTD41020220164 ngày 23/6/2022; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 41020220164/001 ngày 20/6/2022 và Phụ lục Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: PL.01-41020220164/001 ngày 24/6/2022 thì Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L1) cho bà Dương Thị Hữu P vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 05 năm; lãi suất trong hạn 8%/năm cố định 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 07 áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP L1 và Dương Thị Hữu P là hợp đồng hợp pháp về cả nội dung, hình thức nên có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền gốc, tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 41020220164/001 ngày 20/6/2022 xác định số tiền bà Dương Thị Hữu P nhận nợ là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà Dương Thị Hữu P đã thanh toán số tiền gốc là 112.391.692 đồng nên còn lại phải thanh toán là 387.608.308 đồng.

Đối với số tiền lãi, tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 41020220164/001 ngày 20/6/2022 và Phụ lục Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: PL.01-41020220164/001 ngày 24/6/2022 đã thỏa thuận lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả; việc thỏa thuận lãi suất là phù quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N Quy định về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên HĐXX chấp nhận. Bà Dương Thị Hữu P đã thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 45.576.816 đồng; số tiền lãi chậm trả gốc là 555.035 đồng và số tiền lãi chậm trả lãi là 150.134 đồng. Do đó, tính đến ngày 29/8/2024, bà Dương Thị Hữu P còn nợ Ngân hàng TMCP L1 số tiền nợ lãi trong hạn là 71.024.384 đồng; số tiền lãi chậm trả gốc là 14.316.443 đồng và số tiền lãi chậm trả lãi là 4.792.985 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Dương Thị Hữu P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ hằng tháng. Tuy nhiên, từ ngày 20/5/2023 bà Dương Thị Hữu P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP L1 căn cứ điểm f khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220164 ngày 13/6/2022 về việc thu hồi nợ trước hạn để khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Dương Thị Hữu P thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm 29/8/2024 bà Dương Thị Hữu P phải có nghĩa vụ thanh toán là 477.742.120 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 387.608.308 đồng; nợ lãi trong hạn: 71.024.384 đồng; lãi chậm trả gốc: 14.316.443

đồng; lãi chậm trả lãi: 4.792.985 đồng. Đồng thời, bà Dương Thị Hữu P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Để đảm bảo cho khoản vay, bà Dương Thị Hữu P đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu: MERCERDES, số loại: GLA200, số khung: WDC1569431J108024, số máy: 27091030608338, màu sơn: màu đỏ, biển kiểm soát: 43A-286.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43023338 do Phòng C Công an Thành phố Đ cấp ngày 13/6/2022 theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số HDTC41020220164 ngày 23/6/2022. Việc thế chấp xe ô tô cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp. Do đó, trong trường hợp Dương Thị Hữu P không trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu tòa án xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu: MERCERDES, số loại: GLA200, số khung: WDC1569431J108024, số máy: 27091030608338, màu sơn: màu đỏ, biển kiểm soát: 43A-286. để đảm bảo thu hồi nợ là phù hợp Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3] Bị đơn, bà Dương Thị Hữu P mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP L1, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc bà Dương Thị Hữu P nợ Ngân hàng TMCP L1 số tiền tính đến ngày 29/8/2024 là 477.742.120 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 387.608.308 đồng; nợ lãi trong hạn: 71.024.384 đồng; lãi chậm trả gốc: 14.316.443 đồng; lãi chậm trả lãi: 4.792.985 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 20.000.000 đồng + 4% x 77.742.120 đồng = 20.000.000 + 3.109.684 đồng = 23.109.684 đồng bà Dương Thị Hữu P phải chịu.

[5] Chi phí tố tụng: Chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng Ngân hàng TMCP L1 đã tạm ứng và đã chi xong nên bà Dương Thị Hữu P có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP L1 đối với Dương Thị Hữu P.

Buộc Dương Thị Hữu P phải trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 477.742.120 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 387.608.308 đồng; nợ lãi trong hạn: 71.024.384 đồng; lãi chậm trả gốc: 14.316.443 đồng; lãi chậm trả lãi: 4.792.985 đồng.

Dương Thị Hữu P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220164 ngày 13/6/2022; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số PL.01-HDTD41020220164 ngày 23/6/2022; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 41020220164/001 ngày 20/6/2022 và Phụ lục Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: PL.01-41020220164/001 ngày 24/6/2022 kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi Dương Thị Hữu P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP L1 phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43023338 do Phòng C Công an Thành phố Đ cấp ngày 13/6/2022 cho bà Dương Thị Hữu P.

Trong trường hợp Dương Thị Hữu P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP L1 có quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MERCERDES, số loại: GLA200, số khung: WDC1569431J108024, số máy: 27091030608338, biển kiểm soát: 43A-286.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43023338 do Phòng C Công an Thành phố Đ cấp ngày 13/6/2022 cho bà Dương Thị Hữu P để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Dương Thị Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.109.684 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm linh chín ngàn sáu trăm tám mươi tư đồng).

2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.119.235 đồng (Mười một triệu một trăm mười chín ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0000700 ngày 28.5.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

III. Chi phí tố tụng: Chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng Ngân hàng TMCP L1 đã tạm ứng và đã chi xong nên bà Dương Thị Hữu P có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

IV. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh